

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương
năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 7 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 7 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 7 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là 25.181 triệu đồng (Hai mươi lăm tỷ một trăm tám mươi một triệu đồng), bao gồm: Vốn đầu tư phát triển là 7.467 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 17.714 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 12.838 triệu đồng (Mười hai tỷ tám trăm ba mươi

tám triệu đồng), bao gồm: Vốn đầu tư phát triển là 4.067 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 8.771 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 6.177 triệu đồng (Sáu tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu đồng), bao gồm: Vốn sự nghiệp là 6.177 triệu đồng.


- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn là 6.166 triệu đồng (Sáu tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), bao gồm: Vốn đầu tư phát triển là 3.400 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 2.766 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII - Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- UBMTTQ huyện, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- LĐVP, NCKT;
- TT. HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Huỳnh Công Lập



**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số vốn	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	25.181	7.467	17.714	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12.838	4.067	8.771	
1)	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.641	1.100	1.541	
-	Thị trấn Châu Thành	250	80	170	
-	Xã Đa Lộc	321	180	141	
-	Xã Nguyệt Hóa	90	40	50	
-	Xã Sông Lộc	230	80	150	
-	Xã Hòa Lợi	380	160	220	
-	Xã Mỹ Chánh	310	160	150	
-	Xã Phước Hảo	580	160	420	
-	Xã Lương Hòa	200	80	120	
-	Xã Lương Hòa A	220	120	100	
-	Xã Hòa Thuận	60	40	20	
2)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.371	-	2.371	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN</i>	<i>2.371</i>	<i>-</i>	<i>2.371</i>	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số vốn	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.371		2.371	
3)	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	3.172	2.967	205	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	3.172	2.967	205	
-	Xã Phước Hào	1.500	1.500	-	
	Đường GTNT ấp Đa Hòa, xã Phước Hào (Ô Thum)	1.500	1.500		
-	Xã Mỹ Chánh	792	587	205	
	Dự án chuyển tiếp	587	587		
	Đường GTNT ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ nhà 8 Sinh đến nhà 2 Học)	587	587		
	Duy tu, bảo dưỡng các công trình GTNT ấp Phú Mỹ			205	
-	Xã Hòa Lợi	880	880		
	Đường GTNT bờ kênh triển II đoạn nối tiếp Đa Hòa Bắc, Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi	880	880		
4)	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4.579	-	4.579	
	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	4.579	-	4.579	
-	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	4.579		4.579	
5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	75	-	75	
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình</i>	75	-	75	
-	Phòng Dân tộc	75		75	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.177	-	6.177	
1)	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	2.402	-	2.402	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.402		2.402	
2)	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.101	-	1.101	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số vốn	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
	Tiểu dự án 1, Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	865	-	865	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	865		865	
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	236	-	236	
-	Phòng Y tế	236		236	
3)	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.871	-	1.871	
	Tiểu dự án 1, Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.153	-	1.153	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.153		1.153	
	Tiểu dự án 3, Hỗ trợ việc làm bền vững	718	-	718	
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	718		718	
4)	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	184	-	184	
	Tiểu dự án 2, Truyền thông và giảm nghèo về đa chiều	184	-	184	
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	184		184	
5)	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	619	-	619	
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	403	-	403	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	403		403	
	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	216	-	216	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	216		216	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	6.166	3.400	2.766	
1)	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thiết yếu	3.400	3.400	-	
-	Xã Mỹ Chánh	3.400	3.400		
	Đường GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh (từ nhà ông Vũ đến nhà ông Kê)	3.400	3.400		
2)	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện nông thôn mới theo quy hoạch	800	-	800	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	800		800	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số vốn	Vốn ĐTP	Vốn sự nghiệp	
3)	Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản	300	-	300	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	300		300	
4)	Chương trình mỗi xã một sản phẩm	500	-	500	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	500		500	
5)	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	300	-	300	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	300		300	
6)	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	400	-	400	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	400		400	
7)	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	300	-	300	
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường	300		300	
8)	Nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới	65	-	65	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65		65	
9)	Truyền thông về Nông thôn mới	65	-	65	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65		65	
10)	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	36	-	36	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36		36	